

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672014 - Cơ lý thuyết 1

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Thế	Vũ	3671030607	11/07/1994	8,00	3,50	4,90	
2	Dương Ngọc	Thạch	3671030636	14/01/1993	10,00	9,50	9,70	
3	Lê Minh	Thiện	3672050579	10/05/1993	,00	,00	,00	CT
4	Phan Văn	Lãnh	3771040517	21/08/1994	2,00			
5	Nguyễn Thanh	Định	3771040520	12/12/1995	3,00	,00	,90	CT
6	Nguyễn Quang	Sang	3771040527	02/12/1995	,00			
7	Võ Kế	Tứ	3771040533	01/09/1994	2,00	2,50	2,40	
8	Trần Hoàng	Định	3771040552	28/11/1995	7,00	1,50	3,20	
9	Phạm Đức	Vinh	3771040557	25/04/1995	3,00	1,50	2,00	
10	Nguyễn Vũ Hoàng	Nhật	3771040579	10/06/1992	,00			
11	Phan Tiến	Dũng	3771040585	01/05/1995	3,00	2,50	2,70	
12	Nguyễn Hữu	Thức	3771040588	22/07/1995	5,00	,00	1,50	
13	Trần Văn	Bảo	3771040601	01/12/1995	3,00	2,00	2,30	
14	Lương Văn	Được	3771040620	29/05/1995	7,00	7,50	7,40	
15	Lương Phú	Thành	3771040631	10/04/1994	3,00	1,30	1,80	
16	Nguyễn Công	Tỉnh	3771040632	20/11/1995	8,00	6,80	7,20	
17	Nguyễn Cao	Kỳ	3771040635	27/08/1993	3,00	,50	1,30	
18	Trần Quang	Duy	3771040679	20/10/1995	4,00	,00	1,20	
19	Đàm Xuân	Long	3771040684	06/10/1995	3,00	1,50	2,00	
20	Dương Thành	An	3771040690	01/01/1995	4,00	2,80	3,20	
21	Đỗ Nhật	Minh	3771040692	14/08/1995	2,50	,00	,80	
22	Nguyễn Minh	Trí	3771040700	20/11/1995	3,00	1,50	2,00	
23	Nguyễn Văn	Hậu	3771040717	25/10/1995	2,00	2,80	2,60	
24	Trần Hoàn	Hào	3771040718	18/08/1995	3,00	1,50	2,00	
25	Võ Hữu	Phước	3771040732	25/11/1994	5,00	6,80	6,30	
26	Lê Quốc	Phong	3771040735	02/10/1995	8,00	6,30	6,80	
27	Hoàng Ngọc	Phi	3771040752	19/05/1994	7,00	,00	2,10	
28	Nguyễn Thanh	Duy	3771040754	07/11/1995	3,00	,00	,90	
29	Phan Trung	Chí	3771040755	24/04/1995	2,00	2,50	2,40	
30	Phạm Hữu	Tú	3771040756	30/10/1994	,00	,00	,00	CT
31	Lê Việt	Anh	3771040763	09/10/1995	3,00	,00	,90	
32	Trịnh Xuân	Hợp	3771040971	15/05/1995	7,00	,00	2,10	
33	Nguyễn Hữu	Thông	3771041029	18/12/1995	2,00			
34	Đặng Thành	Tài	3771041074	11/07/1995	3,00	6,00	5,10	
35	Mai Trí	Tuệ	3771041109	28/01/1995	,00			

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phạm	Tuân	3771041130	21/01/1995	,00			
37	Lâm Văn	Tâm	3771041177	01/01/1994	2,00	,00	,60	
38	Đình Đức	Nghĩa	3771041198	22/12/1995	8,00	1,50	3,50	
39	Võ Thanh	Duy	3771041224	28/08/1995	,00			
40	Đỗ	Nhân	3771041236	20/12/1994	,00			
41	Vũ Hữu	Danh	3771041240	10/07/1994	2,00			
42	Đạo Thị Mai	Thoảng	3771041244	24/07/1995	6,00	6,00	6,00	
43	Nguyễn Khánh	Dân	3771041248	16/11/1995	2,00	,00	,60	
44	Đỗ Ngọc	Tiên	3771041326	10/06/1993	3,00	2,00	2,30	
45	Phạm Thị Tổ	Nhi	3771041338	10/08/1994	6,00	5,30	5,50	
46	Nguyễn Trần	Trin	3771041352	28/10/1995	3,00	,00	,90	
47	Bùi Viết	Thề	3771041372	02/10/1995	4,00	3,30	3,50	
48	Huỳnh Khương Hữu	Trung	3771041393	21/07/1995	2,00	1,00	1,30	
49	Nguyễn Xuân	Thành	3771041423	15/05/1989	4,00	,50	1,60	
50	Lê Trần Tấn	Lực	3771050874	09/02/1994	3,00	,00	,90	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)